**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN CẨM LỆ**
**TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/DS-ST
Ngày: 26/3/2018
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Trang
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Ông Nguyễn Văn Trình

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Xuân Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

` Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1969. Địa chỉ: phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2017, tại bản tự khai và tại phiên toà hôm nay bà Phạm Thị Thanh T trình bày:***

Bà và bà Phạm Thị N quen biết nhau thông qua người bạn, bà N có mượn bà số tiền cụ thể:

- Ngày 29/01/2011 mượn số tiền là 30.000.000 đồng;
- Ngày 31/01/2011 mượn số tiền là 25.000.000 đồng;
- Ngày 22/6/2011 mượn số tiền là 20.000.000 đồng;
- Ngày 25/8/2011 mượn số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền mượn là 95.000.000 đồng.

Qua các lần mượn bà N có viết giấy mượn và có hẹn khi nào bà cần thì bà N sẽ trả. Năm 2016, bà N có trả số tiền 2.000.000 đồng và từ đó đến nay không trả

nữa. Mặc dù nhiều lần bà T yêu cầu bà N trả nhưng cố tình trốn tránh không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị N trả dứt điểm số tiền 93.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

**** Tại bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:***

Bà xác nhận có mượn của Phạm Thị Thanh T số tiền cụ thể như sau: Ngày 29/01/2011 mượn số tiền là 30.000.000 đồng; ngày 31/01/2011 mượn số tiền là 25.000.000 đồng; ngày 22/6/2011 mượn số tiền là 20.000.000 đồng và ngày 25/8/2011 mượn số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền mượn là 95.000.000 đồng. Các lần mượn bà có viết giấy mượn tiền và có cam kết khi nào bà T thông báo thì bà sẽ trả. Cuối năm 2016, bà có trả cho bà T số tiền là 2.000.000 đồng, từ đó đến nay bà khó khăn nên chưa trả được. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền là 93.000.000 đồng bà đồng ý trả và xin trả trước 20.000.000đ, số tiền còn lại trả hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Phạm Thị N có địa chỉ ở phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định: bà Phạm Thị N có mượn của bà Phạm Thị Thanh T số tiền 95.000.000 đồng, trong đó: ngày 29/01/2011 mượn 30.000.000 đồng; ngày 31/01/2011 mượn 25.000.000 đồng; ngày 22/6/2011 mượn 20.000.000 đồng và ngày 25/8/2011 mượn 20.000.000 đồng. Mục đích mượn tiền để làm vốn buôn bán, thời hạn mượn tiền là khi nào bà T cần báo thì bà N sẽ trả. Các lần mượn tiền bà N đều viết giấy mượn tiền. Sau đó bà T có đòi nhiều lần, đến cuối năm 2016, bà N trả cho bà T số tiền là 2.000.000 đồng, còn nợ lại 93.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T và bà N đã xác nhận số tiền nợ là 93.000.000 đồng, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà N phải trả cho bà T số tiền 93.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Bà N xin trả trước 20.000.000đ, số tiền còn lại hàng tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà T không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Thanh T không phải chịu. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 2.375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị N phải chịu là 4.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng:*** Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 147, 266, 267, 273 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên bố:*** Chấp nhận yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Phạm Thị Thanh T đối với bà Phạm Thị N.

***Xử:***

1/ Buộc bà Phạm Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 93.000.000 (Chín mươi ba triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3/ Án phí dân sự bà Phạm Thị N phải chịu là 4.650.000 đồng. Hoàn trả cho Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 2.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0096 ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5/ Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

***Nơi nhận:***
- *VKSND Q. Cẩm Lệ;*
- *CCTHADS Q.Cẩm Lệ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thu Trang**